

PRODUCT DOSSIER · DRAFT

Vietnam White Cashew Kernels W320

IVN-PF-C-01

INDUSVINA is the supply brand. Actual manufacturer remains unconfirmed.

SKU IVN-PF-C-01 — White cashew kernels offered as W320 for import, distribution, food processing, and private-label requirements. Grade, moisture content, broken-kernel proportion, packing configuration, and lot documentation require verification before offer or purchase.

Vietnam White Cashew Kernels W320 is a B2B product proposed for importers, distributors, food processors, retail packers, and private-label programs. INDUSVINA is the supply brand and is not the manufacturer. Before an order is confirmed, the W320 grade under the applicable standard or agreed specification, actual moisture content, broken-kernel proportion, and other relevant quality parameters must be checked against the specific lot. Packing format, labeling, vacuum or modified-atmosphere requirements, storage conditions, and testing scope must be agreed in the quotation and sales contract. The input data do not identify a factory, model, packing configuration, or lot-specific certification.



Other producer reference only; does not establish INDUSVINA lot specifications or identity. Review image rights before publication.

Photo: Vietnam Cashew Nut Processing JSC

Catalogue

Purpose: SKU IVN-PF-C-01 is a B2B catalogue offer for Vietnam White Cashew Kernels W320, intended to support buyer evaluation and technical alignment before a transaction. Applications/scope: import, distribution, food processing, retail packing, foodservice, and private-label use. Pre-order checks: confirm W320 grade, actual moisture, broken-kernel proportion, relevant quality parameters, pack configuration, labeling, and lot documentation. Handling/storage: obtain written confirmation from the supplier for conditions compatible with the package, contract, and destination market; do not infer conditions from reference material. Records: quotation, approved specification sheet, COA or test report when available, commercial documents, and lot traceability documents when supplied. Limits: no manufacturer, model, fixed packing, or lot certificate has been identified; W320 alone is not a commitment covering all quality attributes of a lot.

Specifications saved in Admin

No verified lot specifications available. Reference producer figures do not replace actual lot data.

Usage guide

Purpose: this draft usage guide supports buyer evaluation and incorporation of white cashew kernels W320, SKU IVN-PF-C-01, into an ingredient or packing process; it does not replace manufacturer instructions.

Applications/scope: food use only as defined by the buyer and compatible with destination-market requirements. Inspection: before receipt or use, check package condition, label, lot identification, sensory status under the buyer's internal procedure, and the agreed parameters and documents. Handling/storage: maintain pack integrity until inspection; after opening, apply approved internal hygiene, allergen-control, traceability, and storage procedures. Records: document lot, received quantity, inspection outcome, abnormal conditions, and accept/hold decision. Limits: this guide must not be used to infer shelf life, temperature, humidity, gas treatment, or certification claims where these have not been verified for the actual lot.

Draft SOP

Purpose: this is a draft SOP prepared by INDUSVINA for receiving, offering, and dispatch control of SKU IVN-PF-C-01; it is not a manufacturer manual. Scope: each lot offered as white cashew kernels W320. Inspection: reconcile product name, W320 grade under the applicable standard or agreed specification, moisture content, broken-kernel proportion, pack condition, label, lot reference, relevant dates, and test documents where requested by the buyer. Handling and storage: follow only written instructions confirmed by the supplier, contract, or destination-market requirement; do not apply unverified temperatures or treatments. Records: retain quotation, PO/contract, approved specification, inspection photos if available, COA or lot documents when supplied, and deviation records. Limits: do not confirm certification, detailed origin, moisture, packing, transport conditions, or import-regulatory compliance without evidence for the actual lot.

Sources and limits

Other producer reference only; does not establish INDUSVINA lot specifications or identity. Review image rights before publication.

Vietnam Cashew Nut Processing JSC — WW320: 320 kernels/lb; reference packing: 22.68 kg vacuum bag or 11.34 kg tin.

<https://vietnamcashewco.com/product/cashew-nut-ww320/>

UNECE Revised standard for cashew kernels

FAO/WHO Codex Alimentarius — New Work Proposals

INDUSVINA là thương hiệu cung ứng, không phải nhà sản xuất; nhà máy chưa được xác định.

Cấp W320, độ ẩm, tỷ lệ hạt vỡ và các chỉ tiêu chất lượng phải được xác minh trên đúng lô hàng trước báo giá cuối cùng, đặt mua hoặc giao nhận.

Quy cách bao gói, nhãn, yêu cầu hút chân không/khí quyển điều chỉnh, điều kiện bảo quản, điều kiện vận chuyển và kiểm nghiệm chưa được xác định.

Không có chứng nhận, COA, báo cáo thử nghiệm, chứng từ xuất xứ chi tiết hoặc chứng cứ tuân thủ thị trường đích cho lô hàng trong dữ liệu đầu vào.

Tài liệu UNECE và Codex trong nguồn chỉ dùng tham khảo chủng loại/khung tiêu chuẩn; không phải chứng cứ rằng SKU hoặc một lô hàng cụ thể đáp ứng tiêu chuẩn. Codex hiện liệt kê công việc phát triển tiêu chuẩn cho cashew kernels, không phải chứng nhận sản phẩm.

Hạt điều là thực phẩm có thể liên quan yêu cầu kiểm soát dị ứng; yêu cầu ghi nhãn và an toàn thực phẩm cần được người mua xác định theo thị trường đích.

INDUSVINA là thương hiệu cung ứng. Nội dung và bản dịch là dự thảo; nguồn web không chứng minh quy cách, chất lượng hoặc chứng nhận của lô hàng.